

QUYẾT ĐỊNH

Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 129/TTr- SGDDT ngày 30 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định:

a) Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày để áp dụng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; nội dung được quy định cụ thể tại Điều 2 của Quyết định này.

b) Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ; nội dung được quy định cụ thể tại Điều 3 của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông.
- b) Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- c) Học sinh dân tộc nội trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.
- d) Trường phổ thông dân tộc bán trú; cơ sở giáo dục phổ thông có học sinh bán trú; cơ sở giáo dục thường xuyên có học viên bán trú.
- đ) Trường phổ thông dân tộc nội trú.
- e) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Địa bàn xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đảm bảo một trong hai điều kiện sau:

a) Khoảng cách xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày: học sinh tiểu học từ 04 km trở lên; học sinh, học viên trung học cơ sở từ 07 km trở lên; học sinh, học viên trung học phổ thông từ 10 km trở lên.

b) Khoảng cách từ nhà đến trường có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối (không có cầu), qua đèo, núi cao, vùng sạt lở đất, đá: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 01 km trở lên đối với học sinh tiểu học; từ 02 km trở lên đối với học sinh, học viên trung học cơ sở và từ 03 km trở lên đối với học sinh, học viên trung học phổ thông.

Điều 3. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

1. Trang cấp đồ dùng cá nhân được cấp 01 lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: Chăn; màn; chiếu hoặc nệm, ga nệm; gối; ô che nắng, mưa.

2. Quần áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ bao gồm: 02 bộ quần áo đồng phục; vở; giấy; bút bi; bút chì; tẩy; bộ compa; thước; eke; đồ đồ.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ GD&ĐT (Vụ pháp chế);
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Các Trung tâm: Tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số,
Lưu trữ lịch sử tỉnh, Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_(VN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh